**ÔN TẬP HÈ MÔN VĂN LỚP 6**

**SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO**

**Phần 1. KHÁI QUÁT KIẾN THỨC ĐÃ HỌC TRONG CHƯƠNG TRÌNH NGỮ VĂN 6**

**Phần 2. LÀM QUEN VỚI MỘT SỐ KIẾN THỨC CỦA CHƯƠNG TRÌNH NGỮ VĂN 7**

**Phần 1. KHÁI QUÁT KIẾN THỨC ĐÃ HỌC**

**TRONG CHƯƠNG TRÌNH NGỮ VĂN 6**

**BÀI 1: KHÁI QUÁT KIẾN THỨC TRỌNG TÂM CÁC THỂ LOẠI ĐÃ HỌC**

**I/ Truyện truyền thuyết, truyện cổ tích**

**II/ Thơ**

**III/ Truyện đồng thoại**

**IV/ Văn bản nghị luận**

1. **Một số yếu tố trong văn bản nghị luận**

**- Khái niệm *Văn nghị luận***

Văn bản nghị luận là loại văn bản nhằm thuyết phục người đọc, người nghe về một vấn đề nào đó, ví dụ: "Bài thơ này rất hay” hoặc “Cần phải trồng nhiều cây xanh".... Để thuyết phục, người viết, người nói phải nêu lên được ý kiến (quan điểm) của mình, sau đó dùng lí lẽ và các bang chứng cụ thể làm sáng tỏ ý kiến ấy. Nghị luận văn học là văn bản nghị luận bàn về các vấn đề văn học.

**- Ý kiến:**

Ý kiến thường là một nhận xét mang tính khẳng định hoặc phủ định như: "Nguyên Hồng thực sự là nhà văn của nhân dân lao động" hoặc "Không được săn bắt động vật hoang dã". Ý kiến của văn bản nghị luận thường nêu ở nhan đề hoặc mở đầu bài viết

**- Lí lẽ**

Lí lẽ thường tập trung nêu nguyên nhân, trả lời các câu hỏi: Vì sao?, Do đâu? (Chẳng hạn: Vì sao "Thánh Gióng" là truyền truyền thuyết?, Do đầu nước ngọt ngày càng khan hiếm).

**- Bằng chứng**

Bằng chứng (dẫn chứng) thường là các hiện tượng, số liệu cụ thể nhằm minh hoạ, làm sáng tỏ cho lí lẽ.

1. **Một số lưu ý khi đọc - hiểu văn bản nghị luận.**

- Đọc kĩ văn bản để biết được vấn đề mà tác giả đề cập đến trong văn bản.

- Nhận biết được ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản và mối quan hệ của chúng.

- Tóm tắt được các nội dung chính trong văn bản.

- Nhận biết được thái độ, tình cảm của người viết thể hiện trong văn bản.

- Chỉ ra được ý nghĩa hay tác động của vấn đề được đặt ra đối với suy nghĩ, tình cảm của cá nhân.

1. **Ôn tập một số văn bản nghị luận đã được học**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tên VB** | *Bàn về nhân vật Thánh Gióng* | *Học thầy, học bạn* |
| **PTBĐ** | Nghị luận | Nghị luận |
| **Vấn đề nghị luận**  | *Bàn về nhân vật Thánh Gióng* | *Học thầy, học bạn* |
| **Ý kiến** | *Ý kiến 1: Thánh Gióng là một nhân vật phi thường**Ý kiến 2: Thánh Gióng cũng mang những nét bình thường của con người trần thế.* | *Ý kiến 1: Học từ thầy là quan trọng**Ý kiến 2: Học từ bạn bè cũng rất quan trọng.* |
| **Lí lẽ** | Lí lẽ 1: Thánh Gióng hội tụ những đặc điểm phi thường.Lí lẽ 2: Ở Gióng có cả sức mạnh của thể lực và sức mạnh của tinh thần, ý chíLí lẽ 1: Nguồn gốc, lai lịch của Gióng thật rõ ràng, cụ thể và xác định.Lí lẽ 2: Quá trình ra đời, trưởng thành và chiến thắng giặc ngoại xâm của Gióng đều gắn với những người dân bình dị. | - Dân ta có truyền thống tôn sư trọng đạo- Cần một người thầy có hiểu biết, giàu kinh nghiệm- Học từ bạn, đồng trang lứa, cùng hứng thú, cùng tâm lí thì việc học hỏi, truyền thụ cho nhau có phần thoải mái, dễ chịu hơn. |
| **Bằng chứng** | * những chi tiết về sự thụ thai thần kì của bà mẹ Gióng, Gióng bay về trời...

- 3 tuổi bỗng cất tiếng nói, Gióng lớn nhanh như thổi, nhổ bụi tre đánh giặc…- Dù có siêu nhiên đến đâu, Gióng vẫn phải “nằm trong bụng mẹ”, “uống nước, ăn cơm với cà”, mặc quần áo bằng vải của dân làng Phù Đổng, ngựa sắt, áo giáp sắt do vua Hùng tập hợp thợ rèn tài giỏi trong nước đúc nên.- Hình ảnh cậu bé Gióng nằm im không nói, không cười nhưng khi giặc Ân xâm lăng thì vụt lớn đánh giặc thể hiện sức mạnh tiềm ẩn của nhân dân. | - Thầy Ve-rốc-chi-o dạy dỗ Lê - ô- na - đô ĐaVin- ci thành tài.- Thảo luận nhóm là một phương pháp học từ bạn hiệu quả để mỗi thành viên đều tích luỹ được tri thức cho mình. |
| **Nhận xét** | Hệ thống các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp logic, rõ ràng, thuyết phục; thể hiện được những nhận định của tác giả về nhân vật Thánh Gióng mang vẻ đẹp: phi thường nhưng cũng rất đời thường.=> Những góc nhìn, cách hiểu khác nhau giúp chúng ta hiểu tác phẩm sâu hơn.  | Hình ảnh so sánh trong câu cuối của văn bản giúp em hiểu rằng học thầy và học bạn luôn song hành với nhau. Chúng ta không chỉ học từ thầy mà còn học từ bạn nữa. Học thầy, học bạn có mối quan hệ gắn bó chặt chẽ với nhau, không thể thiếu một trong hai trên con đường của một người thành công. |

1. **Thực hành một số đề đọc hiểu – ngữ liệu cùng thể loại**

**Đề số 1:**

**Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:**

*…Có thể xem đây là một trong nhiều lí do đã bồi đắp nên tính nhạy cảm nói trên của Nguyên Hồng: Con người ấy thiếu tình thương từ nhỏ nên luôn luôn khao khát tình thương và dễ thông cảm với những người bất hạnh. Ông mồ côi cha từ năm 12 tuổi. Mẹ lại đi bước nữa và thường phải đi làm ăn xa. Đó là một người đàn bà dịu hiền và có nhan sắc nhưng phải gắn bó với một người chồng già nghiện ngập bằng một cuộc hôn nhân ép uổng. Bà thương con vô cùng, nhưng do cảnh ngộ éo le nói trên, nên một thời gian dài sau khi chồng mất, bà không được gần con. Sau này, Nguyên Hồng viết truyện Mợ Du là để nói lên được phần nào tâm trạng đau đớn của người mẹ trẻ bị gia đình nhà chồng khinh ghét, xua đuổi, không cho phép tự do gần gũi con mình. Còn thân phận chú bé mồ côi phải sống nhờ vào một bà cô cay nghiệt nào đó thì nhà văn đã thuật lại trong tập hồi kí Những ngày thơ ấu:*

*“Ngày 20-11-1931. Giá ai cho tôi một xu nhỉ? Chỉ một xu thôi! Để tôi mua xôi hay bánh khúc. Giời rét thế này, đi học một mình, vừa đi vừa cắn ngon xiết bao! Không! Không có ai cho tôi cả. Vì người ta có phải mẹ tôi đâu!”. [...]*

 **(Trích *Nguyên Hồng - nhà văn của những người cùng khổ*, Nguyễn Đăng Mạnh)**

**Câu 1.**Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích.

**Câu 2. Nêu nội dung chính của đoạn văn.**

**Câu 3. Ghi lại những lí lẽ và bằng chứng tác giả đưa ra để làm rõ nội dung của đoạn văn.**

**Câu 4. Nêu tác dụng của dấu ngoặc kép trong đoạn** *“Ngày 20-11-1931. Giá ai cho tôi một xu nhỉ? Chỉ một xu thôi! Để tôi mua xôi hay bánh khúc. Giời rét thế này, đi học một mình, vừa đi vừa cắn ngon xiết bao! Không! Không có ai cho tôi cả. Vì người ta có phải mẹ tôi đâu!”.*

**Câu 5. Từ nội dung của đoạn trích, nêu cảm nhận của em về hoàn cảnh sống của nhà văn Nguyên Hồng.**

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

**Câu 1. Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích:** nghị luận

**Câu 2. Đoạn văn nêu lên ý chính là: Lí do bồi đắp nên tính nhạy cảm của nhà văn Nguyên Hồng.**

**Câu 3. Ghi lại những lí lẽ và bằng chứng tác giả đưa ra để làm rõ nội dung của đoạn văn.**

**+Lí lẽ: Thiếu tình thương từ nhỏ nên luôn khao khát tình thương và dễ cảm thông với những người bất hạnh.**

**+ Bằng chứng: trích từ truyện *Mợ Du* và hồi kí *Những ngày thơ ấu***

**- Nguyên Hồng viết truyện Mợ Du là để nói lên được phần nào tâm trạng đau đớn của người mẹ trẻ bị gia đình nhà chồng khinh ghét, xua đuổi, không cho phép tự do gần gũi con mình. Còn thân phận chú bé mồ côi phải sống nhờ vào một bà cô cay nghiệt nào đó thì nhà văn đã thuật lại trong tập hồi kí Những ngày thơ ấu.**

**Câu 4. Tác dụng của dấu ngoặc kép trong đoạn: đánh dấu nội dung được trích dẫn. Ở đây là đoạn trích được dẫn lại từ hồi kí *Những ngày thơ ấu* của nhà văn Nguyên Hồng.**

**Câu 5. Cảm nhận của em về tuổi thơ của nhà văn Nguyên Hồng: Nhà văn có tuổi thơ cơ cực, thiếu thốn tình cảm. Thế nên những tác phẩm của ông được miêu tả chân thực, đầy cảm xúc.**

**Đề số 2:**

**Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:**

**THỰC TRẠNG SỐNG ẢO CỦA GIỚI TRẺ HIỆN NAY**

**Chụp ảnh tự sướng ở bất cứ đâu**

Từ lâu, chụp hình tự sướng đã trở thành một trào lưu trong giới trẻ, nhất là với các cô nàng. Đặc biệt với hàng loạt “app sống ảo” ra đời cho phép người dùng chỉnh sửa ảnh từ làn da, khuôn mặt cho đến vóc dáng đã khiến nhiều người “tự tin” khoe hình ảnh cá nhân của mình lên các trang mạng xã hội. Tuy nhiên, nhiều khi sự thật bên ngoài lại không hề “lung linh” như trong ảnh.

Bên cạnh đó, cũng cần phải kể đến thực trạng của một bộ phận giới trẻ đó là chụp ảnh tự sướng ở mọi lúc mọi nơi. Dù là đi ăn, đi chơi, đám cưới, đám tang, đi chùa… thì họ luôn cầm điện thoại chụp hình tự sướng. Sau đó, họ sẽ dành nhiều thời gian để chọn ra những tấm hình đẹp nhất, chỉnh sửa lung linh rồi đăng lên các trang mạng xã hội để thu hút bạn bè vào like ảnh hoặc comment khen ngợi. Họ tin tưởng vào những lời tán thưởng mà những người bạn ảo dành cho mình, đồng thời cũng sẽ bị tổn thương bởi những lời chê bai đến từ những người xa lạ.

**Khoe khoang bản thân**

 Giới trẻ ngày nay rất năng động, đầy nhiệt huyết và luôn muốn chứng tỏ bản thân mình qua hình thức bên ngoài. Với sự phổ biến của mạng xã hội, có không ít bạn trẻ lợi dụng sự công khai đó để khoe mẽ “trá hình” và tự đánh bóng bản thân.

Nhiều người trẻ thường rất thích khoe khoang trên mạng xã hội, thường thấy nhất là việc khoe những món đồ đắt tiền. Mặc dù có những người điều kiện gia đình không tốt nhưng vẫn mua sắm những món đồ đắt tiền để khoe với bạn bè. Bên cạnh những tấm hình khỏa thân táo bạo là những dòng trạng thái khoe khoang sự giàu có, ăn chơi xa hoa, đi du lịch, ăn uống không đúng với sự thật.

 *( Trích Báo Đời sống ngày 15/1/2021)*

**Câu 1:** Phương thức biểu đạt chính của văn bản là gì?

**Câu 2:** Bài viết bàn luận về vấn đề gì?

**Câu 3:** Để làm rõ vấn đề nghị luận người viết đã đưa ra những lí lẽ nào (biểu hiện sống ảo của các bạn trẻ) trong bài viết?

**Câu 4:** Bài viết đã đề cập đến những hậu quả nào của việc chụp ảnh tự sướng ở mọi nơi?

**Câu 5:** Theo em, ngoài những biểu hiện trên,những người sống ảo còn có những biểu hiện nào khác?

**Câu 6:** Nếu em có một người bạn của mình có biểu hiện của người sống ảo thì em sẽ có lời khuyên gì dành cho bạn ấy.

**GỢI Ý TRẢ LỜI:**

**Câu 1:** Phương thức biểu đạt chính của văn bản là: nghị luận

**Câu 2:** Bài viết bàn luận về vấn đề: Thực trạng sống ảo của giới trẻ ngày nay.

**Câu 3:** Những biểu hiện sống ảo của các bạn trẻ thể hiện trong bài viết

- Chụp ảnh tự sướng ở mọi nơi

- Khoe khoang bản thân

**Câu 4:** Bài viết đã đề cập đến những hậu quả nào của việc chụp ảnh tự sướng ở mọi nơi của người sống ảo:

+ Mất thời gian

+ Người chụp ảo tưởng không đúng về mình

+ Bị tổn thương nếu người khác chê bai

+ Hoặc người sống ảo luôn ảo tưởng và không gắn mình với đời sống thực tế/ hoặc họ sẽ ngày càng khoe khoang và sĩ diện… Dẫn đến nhiều hệ lụy như thiếu tự tin, bi quan, chán nản khi đối diện với cuộc sống thực; Dễ bị kẻ xấu lợi dụng vào mục đích xấu; Con người trở nên dửng dưng, vô cảm, ích kỷ hơn.

**Câu 5:** Ngoài những biểu hiện trên,những người sống ảo còn có những biểu hiện nào khác:

+ Lướt facebook hàng giờ mà không cảm thấy chán, họ có thể bỏ ăn, bỏ uống để theo cuộc sống ảo.

+ Thuê đồ về chụp hình sống ảo; Khoe khoang về cuộc sống của mình không đúng với thực tế ngoài đời…

**Câu 6:** Nếu em có một người bạn của mình có biểu hiện của người sống ảo thì em sẽ có lời khuyên: hãy sống thực tế, quan tâm đến những người xung quanh. Chia sẻ những suy nghĩ của mình để được thấu hiểu và sống vui vẻ…

**V/ Văn bản thông tin**

**VI/ Truyện ngắn**

**BÀI 2: KHÁI QUÁT CÁC KIẾN THỨC TIẾNG VIỆT ĐÃ HỌC**

1. **Từ láy, từ ghép**
2. **Thành ngữ**

**a. Khái niệm**

Thành ngữ là những cụm từ cố định quen dùng, thường ngắn gọn, có hình ảnh. Nghĩa của thành ngữ không phải là phép cộng đơn giản của các từ cấu tạo nên nó mà là nghĩa của cả tập hợp từ.

Vd: lên thác xuống ghềnh, đẹp như tiên, sơn hào hải vị…

**b. Tác dụng của thành ngữ:**

Việc sử dụng thành ngữ giúp lời ăn tiếng nói trở nên sinh động, mang tính hình tượng và biểu cảm cao.

* 1. **Bài tập thực hành**

**Bài 1.** Tìm thành ngữ trong câu sau và giải thích nghĩa của thành ngữ đó:

1. *Đến ngày hẹn, các hoàng tử đem đủ thứ của ngon vật lạ bày lên mâm cổ mình làm để dự thi.*
2. Gióng ***lớn nhanh như thổi***, “cơm ăn mấy cũng không no, áo vừa mặc đã căng đứt chỉ".

**Bài 2:**

Tìm và ghép thành ngữ (cột A) với nghĩa của thành ngữ (cột B) trong bảng dưới đây sao cho phù hợp

|  |  |
| --- | --- |
| **A/ Thành ngữ** | **B/ Nghĩa của thành ngữ** |
| 1. Chết như rạ                                              | a. Nhận xét ai làm gì rất nhanh |
| 2. Hôi như cú mèo | b. chỉ việc buôn bán ít và nhỏ lẻ |
| 3. Cầu được ước thấy | c. chết rất nhiều |
| 4. Buôn thúng bán bưng | d. Điều mong ước trở thành hiện thực |
| 5. Nhanh như cắt | đ. Mùi hôi rất khó chịu, rất hôi. |

**Bài 3:** Đặt câu với thành ngữ *Khỏe như voi, Một nắng hai sương*

**Đáp án bài tập**

**Bài 1:**

a.

- Thành ngữ:của ngon vật lạ.

- Nghĩa của thành ngữ: những món ăn ngon, quý hiếm.

b.

 - Thành ngữ: Lớn nhanh như thổi

- Nghĩa của thành ngữ: lớn nhanh ở mức không ngờ đến

**Bài 2:**

Nối: 1c; 2đ; 3d; 4b; 5a

**Bài 3:**

* Anh ấy **khỏe như voi** .
* Người nông dân **một nắng hai sương** để tạo nên những hạt gạo.
1. **Mở rộng chủ ngữ bằng cụm danh từ**
2. **Biện pháp tu từ so sánh**
3. **Biện pháp tu từ nhân hóa**
4. **Biện pháp tu từ hoán dụ**
5. **Từ Hán Việt**
6. **Trạng ngữ**
7. **Dấu ngoặc kép**
8. **Bài tập thực hành**

**BÀI 3: KHÁI QUÁT CÁC KIỂU BÀI LÀM VĂN ĐÃ HỌC**

**I/ ĐOẠN VĂN BIỂU CẢM**

1. **Cách viết đoạn văn biểu cảm (nêu cảm nghĩ về một đoạn thơ/bài thơ)**
2. **Cấu trúc của đoạn văn nêu cảm nghĩ về một đoạn thơ/bài thơ**
* Hình thức: Hình thức của một đoạn văn bắt đầu từ chữ viết hoa lùi đầu dòng, kết thúc bằng dấu chấm xuống dòng, do nhiều câu văn tạo thành; có từ ngữ và có câu thể hiện chủ đề của đoạn.
* Cấu trúc:

**Mở đoạn (1-2 câu)**

* Giới thiệu về bài thơ/đoạn thơ
* Nêu khái quát ấn tượng, cảm xúc về bài thơ

 **Thân đoạn (5 – 8 câu)**

* Nêu ấn tượng, cảm xúc của em về câu chuyện được kể hoặc các chi tiết miêu tả có trong bài thơ
* Làm rõ nghệ thuật kể chuyện và miêu tả của tác giả
* Đánh giá tác dụng của việc kể lại câu chuyện kết hợp với các chi tiết miêu tả trong bài thơ.

**Kết đoạn (1-2 câu)**

* Nêu khái quát điều em tâm đắc về bài thơ.
* Liên hệ bản thân (nếu có)
1. **Lưu ý khi viết đoạn văn nêu cảm nghĩ về một đoạn thơ/bài thơ**

Khi viết văn biểu cảm, các em có thể bày tỏ trực tiếp tình cảm của mình hoặc gián tiếp thể hiện những cảm xúc đó.

* Phương thức biểu cảm trực tiếp: các em có thể bày tỏ những trạng thái cảm xúc những suy nghĩ của mình một cách trực tiếp thông qua các từ ngữ nói chính xác cảm xúc đó (yêu, thương, mong nhớ, đợi, chờ...) hoặc bằng những từ ngữ biểu cảm (chao ôi, the ôi, trời ơi, hỡi ôi,..). Những nỗi niềm cảm xúc sẽ được bày tỏ một cách trực tiếp.
* Phương thức biểu cảm gián tiếp: với phương thức này, các em sẽ thông qua việc tả phong cảnh hay kể về một sự việc nào đó mà thể hiện tình cảm của mình. Hoặc các em lựa chọn tình cảm qua một hình ảnh mang ý nghĩa ẩn dụ, tượng trưng. Chính những hình ảnh này sẽ giúp việc thể hiện tình cảm của con người trở nên sâu sắc và ý nghĩa hơn.
1. **Một số đề viết đoạn văn cụ thể (có gợi ý)**

**II/ ĐOẠN VĂN NGHỊ LUẬN**

1. **Cách viết đoạn văn nghị luận**
2. **Một số đề viết đoạn văn cụ thể (có gợi ý)**

**III/ BÀI VĂN TỰ SỰ**

1. **Kể lại một truyện cổ tích**
2. **Dàn bài chung**
3. **Cách viết bài văn kể lại một truyện cổ tích bằng lời văn của em**
4. **Một số dàn bài cụ thể**
5. **Kể lại một trải nghiệm của bản thân**
6. **Dàn bài chung**
7. **Cách viết bài văn kể lại một truyện cổ tích bằng lời văn của em**
8. **Một số dàn bài cụ thể**

**IV/ BÀI VĂN MIÊU TẢ**

1. **Dàn bài chung**
2. **Cách viết bài văn miêu tả**
3. **Một số dàn bài cụ thể**

**V/ BÀI VĂN THUYẾT MINH – THUẬT LẠI MỘT SỰ KIỆN**

1. **Dàn bài chung**
2. **Cách viết bài văn thuyết minh – thuật lại một sự kiện**
3. **Một số dàn bài cụ thể**

**Phần 2. LÀM QUEN VỚI MỘT SỐ KIẾN THỨC**

 **CỦA CHƯƠNG TRÌNH NGỮ VĂN 7**

**ÔN TẬP HÈ MÔN VĂN LỚP 6**

**SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO**

**Phần 1. KHÁI QUÁT KIẾN THỨC ĐÃ HỌC TRONG CHƯƠNG TRÌNH NGỮ VĂN 6**

**Phần 2. LÀM QUEN VỚI MỘT SỐ KIẾN THỨC CỦA CHƯƠNG TRÌNH NGỮ VĂN 7**

**Phần 2. LÀM QUEN VỚI MỘT SỐ KIẾN THỨC**

 **CỦA CHƯƠNG TRÌNH NGỮ VĂN 7**

**I/ THƠ BỐN CHỮ, THƠ NĂM CHỮ**

**II/ TRUYỆN NGỤ NGÔN**

1. **Một số khái niệm**

**Truyện ngụ ngôn** là những truyện kể ngắn gọn, hàm súc, bằng văn xuôi hoặc văn vần Truyện thường đưa ra bài học về cách nhìn sự việc, cách ứng xử của con người trong cuộc sống.

**Đề tài trong truyện ngụ ngôn**: thường là những vấn đề đạo đức hay những cách ứng xử trong cuộc sống.

**Nhân vật trong truyện ngụ ngôn** có thể là loài vật, đồ vật hoặc con người. Các nhân vật hầu như không có tên riêng, thường được người kể chuyện gọi bằng danh từ chung như: rùa, thỏ, sói, cửu, cây sậy, thầy bói, bác nông dân,... Từ suy nghĩ, hành động, lời nói của nhân vật ngụ ngôn, người nghe, người đọc có thể rút ra những bài học sâu sắc.

**Cốt truyện** của truyện ngụ ngôn thường xoay quanh một sự kiện (một hành vi ứng xử, một quan niệm, một nhận thức phiến diện, sai lầm,...) nhằm đưa ra bài học hay lời khuyên nào đó.

**Tình huống truyện** là tình thế làm nảy sinh câu chuyện khiến nhân vật bộc lộ đặc điểm, tính cách của mình. Qua đó, ý nghĩa của câu chuyện được khơi sâu.

**Không gian** trong truyện ngụ ngôn là khung cảnh, môi trường hoạt động của nhân vật ngụ ngôn, nơi xảy ra sự kiện, câu chuyện (một khu chợ, một giếng nước, một khu rừng,...)

**Thời gian** trong truyện ngụ ngôn là một thời điểm, khoảnh khắc nào đó mà sự việc, câu chuyện xảy ra, thường không xác định cụ thể.

1. **Một số lưu ý khi đọc – hiểu truyện ngụ ngôn**

– Đọc kĩ văn bản, tóm tắt truyện.

– Đọc kĩ văn bản để xác định chủ đề của truyện ngụ ngôn; nhận diện được hình tượng nhân vật chính trong truyện ngụ ngôn.

* Đọc kĩ truyện để nhận biết được một số yếu tố của truyện ngụ ngôn như: tình huống, cốt truyện, kết cấu,...
* Đọc kĩ văn bản để nhận biết được sự kết hợp giữa lời của người kể chuyện và lời của nhân vật.

– Phân tích đặc điểm nhân vật, các sự việc tiêu biểu, tình huống truyện để từ đó lĩnh hội tư tưởng, thông điệp mà tác giả gửi gắm qua văn bản, đánh giá được bài học nhận thức, luân lí ngụ ý trong truyện.

- Liên hệ để thấy được bài học rút ra từ văn bản truyện ngụ ngôn có ý nghĩa như thế nào đối với bản thân.

**3. Tìm hiểu một số văn bản trong SGK**

**a. Văn bản *Những cái nhìn hạn hẹp***

***\**Truyện *Ếch ngồi đáy giếng***

- **Chủ đề**: Cách nhìn bầu trời của chú ếch nơi đáy giếng. và cách các ông thầy bói mù “nhìn” con voi.

**- Nhân vật:** loài vật: con ếch và các con vật nhỏ bé sống trong đáy giếng.

**- Tóm tắt truyện:** Một con ếch sống dưới đáy giếng nhìn bầu trời trên cao, tưởng trời chỉ là cái vung. Đã thế, mỗi khi cất tiếng kêu, thấy các con vật bé nhỏ xung quanh đều khiếp sợ, ếch ta tưởng mình là chúa tế thế giới. Lên mặt đất, ếch ta quen thói, vẫn nhâng nháo, nghênh ngang và bị một con trâu dẫm chết.

**- Tình huống truyện:** Bị nước đẩy lên mặt đất con ếch lâu năm “ngồi đáy giếng” vẫn quen thói nhâng nháo, tự phụ, xem bầu trời là cái vung và bản thân là chúa tể nên đã bị một con trâu dẫm chết. Qua đó bộc lộ tác hại của sự ngộ nhận về bản thân.

**- Bài học:** Không nên ngộ nhận về bản thân, mang lối sống, cách nhìn, cách hành xử cũ vào hoàn cảnh, môi trường mới thì có thể tự chuốc lấy tai họa.

***\**Truyện *Thầy bói xem voi***

**b.Văn bản *Những tình huống hiểm nghèo***

**\* Truyện *Hai người bạn đồng hành và con gấu***

**\* Truyện *Chó sói và chiên con***

**III/ TRUYỆN KHOA HỌC VIỄN TƯỞNG**

1. **Một số khái niệm**
* **Truyện khoa học viễn tưởng** là những tác phẩm văn học mà ở đó, tác giả tưởng lượng, hư cấu dựa trên thành tựu của khoa học và công nghệ. Truyện khoa học viễn tưởng rất ít khi chứa các yếu tố thần kì, siêu nhiên mà luôn dựa trên những kiến thức hoặc lí thuyết khoa học tại thời điểm tác phẩm ra đời. Qua những cuộc phiêu lưu của nhân vật, người viết thể hiện những dự đoán về tiến bộ trong khoa học hay trạng thái của thế giới sau này.
* **Cốt truyện** trong tác phẩm khoa học viễn tưởng thưởng gần với các sự kiện khoa học và công nghệ, với những sự kiện “đi trước thời gian", những tình huống táo bạo, bất ngờ...
* **Nhân vật** trong truyện khoa học viễn tưởng thường là những con người thông thái (nhà khoa học, nhà phát minh, sáng chế,...) trong các lĩnh vực (đề tài) mà tác phẩm đề cập. Hoặc là người ngoài hành tinh, quái vật, người có năng lực phi thường…
* **Bối cảnh** trong truyện khoa học viễn tưởng thường gắn với đề tài của truyện.
* **Sự kiện:** Thường lẫn lộn sự kiện của thế giới thực tại với những sự kiện xảy ra trong thế giới giả định (quá khứ, tương lai, ngoài vũ trụ…)
1. **Những lưu ý khi đọc hiểu truyện khoa học viễn tưởng**

+ Đọc kĩ văn bản, xác định đề tài.

+ Tóm tắt được cốt truyện, qua đó thấy được sự li kì, cuốn hút của tác phẩm.

+ Phân tích được nhân vật, đặc biệt là nhân vật chính của tác phẩm.

+ Phân tích và đánh giá được vai trò của người kể chuyện trong tác phẩm. + Nhận xét, đánh giá được đặc điểm về ngôn ngữ kể chuyện được sử dụng trong tác phẩm.

+ Qua cốt truyện, nhận diện được sự vật, sự kiện mà người viết chú tâm mô tả. Sự vật hay sự kiện đó, tại thời điểm nhà văn viết tác phẩm đã có hay chưa? Sự tưởng tượng đó của nhà văn có đúng hay có khả năng đúng với hiện thực sau này hay không?

+ Phân tích được hành trình phiêu lưu của nhân vật vào thế giới viễn tưởng đó.

+ Đánh giá những giá trị mà truyện khoa học viễn tưởng mang lại cho người đọc.

1. **Tìm hiểu một số văn bản trong Sách giáo khoa**
2. **Văn bản *Dòng sông đen***

**- Thể loại:** Truyện khoa học viễn tưởng

**- Đề tài:** Khám phá bí ẩn dưới đáy đại dương.

**- Đặc điểm thể loại thể hiện qua văn bản:**

+ Tình huống truyện: 3 nhân vật (A-rô-nắc, Công-xây, Nét Len) rơi vào con tàu Nau-ti-lotx hiện đại, với một người thuyền trưởng bị ẩn và họ không thể biết điều gì đón đợi họ trong hành trình phía trước.

+ Các nhân vật thuyền trưởng Nê-mô (xuất hiện gián tiếp qua suy nghĩ, lời kể của A-rô-nắc và đoạn đối thoại giữa A-rô-nắc với Nét Len); A-rô-nắc giáo sư sinh vật học, Nét Len thợ săn cá voi, Công-xây: cộng sự của giáo sư, chuyên nghiên cứu về sinh vật biển. Thời gian từ trưa cho đến 5 giờ chiều, nhờ vào quãng thời gian này mà ánh sáng tự nhiên dưới đáy biển sâu giúp các nhân vật khám phá vẻ đẹp biển cả.

+ Không gian dưới đáy biển sâu với nhiều cảnh đẹp tựa thế giới thần tiên, lần đầu tiên các nhân vật được chiêm ngưỡng.

* **Nhân vật Nê – mô**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nhân vật Nê – mô** |  **Biểu hiện qua các chi tiết** |
| Cử chỉ, hành động | – Lịch sự cáo từ A-rô-nắc trước khi đi ra.- Đón tiếp ba người một cách lạnh lùng nhưng chu đáo.- Chưa lần nào bắt tay và đưa tay cho giáo sư A-rô-nắc bắt.– Dọn sẵn bữa ăn trên bàn cho A-rô-nắc. |
| Thái độ của A-rô-nắc về Nê-mô | – Băn khoăn về sự đón tiếp chu đáo mà vẫn lạnh lùng của Nê-mô.- Đánh giá cao tài năng chế tạo tàu ngầm hiện đại của Nê-mô.– Cho rằng tàu Nau-ti-lotx của Nê-mô là một kì quan hiện đại. |
| Thái độ của Nét Len về Nê-mô | – Nghi ngờ, không tin tưởng, khó chịu khi ở trên con tàu của Nê-mô (hỏi hạn giáo sư A-rô-nắc về lai lịch của Nê-mô, cho rằng ở trong con tàu của Nê-mô giống như ngục tù bằng sắt).- Chống đối, cho rằng ở trên tàu Nau-ti-lotx sẽ không an toàn (có ý định đoạt tàu Nau-ti-lợt của Nê-mô). |

1. **Văn bản *Xưởng sô-cô-la***

**IV. VĂN BẢN THÔNG TIN**

**V. TỪ ĐỊA PHƯƠNG (Ngôn ngữ các vùng miền)**

**VI/ PHÓ TỪ**

1. **Một số khái niệm**

Phó từ là những từ chuyên đi kèm động từ, tính từ để bổ sung ý nghĩa cho động từ, tính từ.

Ví dụ: *lắm, đã, từng*…

1. **Phó từ thường bổ sung các ý nghĩa:**

+ Số hoặc số nhiều, ví dụ: **mỗi** người, **các** bạn, **những** ai.....

+ Cầu khiến, ví dụ: **hãy** đứng dậy, **đừng** về....

+ Thời gian, ví dụ: **đang** đi, **đã** đến....

+ Mức độ, ví dụ: **rất** đẹp, giỏi **lắm**...

+ Sự tiếp diễn, ví dụ: **vẫn** khoe, **cứ** nói....

+ Sự diễn ra đồng thời, tương tự, ví dụ: **đều** biết, **cũng** cười....

+ Sự khẳng định, phủ định, ví dụ: **có** đến, **không** hiểu, **chẳng** cần...

+ Tính thường xuyên, liên tục hay gián đoạn, bất ngờ, ví dụ: **thường** nói, **luôn** có mặt…

+ Sự hoàn thành, kết quả, ví dụ: nói **xong**, vẽ **rồi**, nghĩ **ra**,...

+ Sự lặp lại, ví dụ: hỏi **lại**, nghĩ **đi** nghĩ **lại**.....

1. **Bài tập thực hành**

**Bài 1.** Tìm phó từ trong các câu sau:

1. *Cả gia đình tôi từng sống ở đó.*
2. *Anh đừng trêu vào… Anh phải sợ…*
3. *Thế là mùa xuân mong ước đã đến.*
4. *Con vật khủng khiếp quá!*

**Bài 2.** Tìm phó từ trong các câu sau, cho biết chúng bổ sung ý nghĩa gì.

1. *Ngoài kia, rặng rậm bụt cũng sắp có nụ.*
2. *Các cành cây đều lấm tấm màu xanh.*
3. *Chúng tôi cũng đứng dậy cõng những bao ki-giắc lên lưng và rảo bước về làng.*

**Bài 3.** Chỉ ra tác dụng của việc lặp lại phó từ “hãy” trong đoạn văn sau:

*Và những khi ấy tôi nghĩ: Hãy nhìn đi, hãy nghiên cứu, chọn lọc. Hãy vẽ hai cây phong của Đuy-sen và An-tu-nai, chính hai cây phong đã cho tuổi thơ của máy bay nhiều giây phút sướng vui, mặc dù máy không biết rõ sự tích của chúng. Hãy vẽ một đứa bé đi chân không, da rám nắng. Nó trào lên cao, thật là cao và ngồi lên một cảnh phong, đôi mắt hãn hoan nhìn vào cõi xa xăm kí ảo.*

(Người thầy đầu tiên)

**Đáp án bài tập:**

**Bài 1.** Phó từ trong câu (từ in đậm)

1. *Cả gia đình tôi* ***từng*** *sống ở đó.*
2. *Anh* ***đừng****trêu****vào****… Anh phải sợ…*
3. *Thế là mùa xuân mong ước* ***đã*** *đến.*
4. *Con vật khủng khiếp* ***quá****!*

**Bài 2.**

1. Phó từ: sắp 🡪 phó từ chỉ thời gian
2. Phó từ: đều 🡪 phó từ chỉ sự diễn ra đồng thời, tương tự
3. Phó từ: cũng 🡪 phó từ chỉ sự diễn ra đồng thời, tương tự

**Bài 3:**

Phó từ “hãy” xuất hiện nhiều lần (6 lần) trong phần kết của văn bản *Người thầy đầu tiên*, việc lặp lại phó từ này đứng trước động từ có tác dụng bổ sung ý nghĩa cầu khiến, thuyết phục, động viên ai làm việc gì đó.